

Số: 1183/SCT- KHTC

Đồng Nai, ngày 20 tháng 6 năm 2013

V/v báo cáo đánh giá kết quả giữa nhiệm kỳ tình hình thực hiện Nghị quyết tỉnh Đảng bộ Đồng Nai lần thứ IX.

Kính gửi:

- Ủy ban Nhân dân tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện văn bản chỉ đạo số 4295/UBND-TH ngày 04/6/2013 của UBND tỉnh về việc báo cáo đánh giá kết quả giữa nhiệm kỳ tình hình thực hiện Nghị quyết IX Ban chấp hành Đảng Bộ tỉnh Đồng Nai. Sở Công Thương báo cáo kết quả thực hiện qua 2 năm 2011- 2012 và dự ước 6 tháng đầu năm 2013 như sau:

A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Thuận lợi

- Được sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao của Bộ Công Thương, của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ của các sở ban ngành, địa phương và cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Ngành Công Thương luôn chủ động trong công tác phối hợp triển khai các Nghị quyết Chỉ thị của Chính phủ, Bộ Công Thương, Tỉnh ủy và UBND tỉnh, nhất là tập trung công tác chỉ đạo tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hỗ trợ thị trường, duy trì sự ổn định SXKD của doanh nghiệp.

- Nguồn điện trong những năm qua tương đối đảm bảo cho sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của người dân trong tỉnh.

2. Khó khăn

- Ảnh hưởng của suy giảm kinh tế dẫn đến giá xuất khẩu một số mặt hàng giảm, chi phí vật tư nguyên liệu đầu vào tăng gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Giá cả thị trường biến động theo xu hướng tăng làm ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động xã hội. Lãi suất cho vay của ngân hàng cao làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Trong nước, giá xăng dầu, gas, điện, nước liên tục được điều chỉnh tăng giảm theo cơ chế thị trường (*năm 2012, giá xăng dầu được điều chỉnh 13 lần với 6 lần tăng và 7 lần giảm; giá gas 12 lần điều chỉnh với 7 lần tăng. Sáu 6 tháng đầu năm 2013 giá xăng dầu 05 lần điều chỉnh với 02 lần tăng và 03 lần giảm; giá gas cũng 05 lần điều chỉnh giảm với tổng mức giảm 65.000 đồng/bình 12kg*)

- Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện chậm. Ách tắc trong bàn giao mặt bằng xây dựng các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh, làm chậm tiến độ hoàn thành công trình.

- Thời tiết, dịch bệnh vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến ngành nông nghiệp và ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm.

II. KẾT QUẢ

- Trong điều kiện khó khăn chung của cả nước, nhưng sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại của Đồng Nai năm 2011, 2012 và 6 tháng đầu năm 2013 vẫn duy trì được mức tăng trưởng so cùng kỳ (tuy có chậm dần)

- Sản xuất công nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục phát triển và tăng tỷ trọng; cơ cấu ngành công nghiệp chuyển dịch theo hướng tích cực. Thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh phong phú đa dạng về mẫu mã, hình thức bán hàng, hệ thống bán lẻ trên toàn tỉnh tiếp tục được đầu tư và bổ sung phát triển theo qui hoạch, cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam triển khai hiệu quả, thiết thực góp phần nâng cao nhận thức và tiêu dùng hàng Việt của nhân dân trên địa bàn.

- Công tác bình ổn thị trường, giá cả được triển khai thường xuyên, công tác kiểm tra kiểm soát thị trường được tăng cường, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi đầu cơ, găm hàng, nâng giá quá mức qui định.

1. Kết quả sản xuất, kinh doanh

- GTSXCN (giá SS 1994) trên địa bàn tỉnh tăng trưởng qua các năm và đạt Mục tiêu Nghị quyết đề ra: năm 2011 đạt 120.565 tỷ đồng (+17,4%); năm 2012 đạt 140.458 tỷ đồng (+16,5%); năm 2013 ước đạt 160.200 tỷ đồng (+14,1%). Tăng trưởng bình quân 3 năm 2011- 2013 đạt 16,0%/năm.

- Tỷ lệ số hộ có điện trên địa bàn toàn tỉnh tăng từ 99,29% cuối năm 2011 lên 99,57% cuối năm 2012, khu vực nông thôn tăng tương ứng từ 99% (2011) lên 99,35% (2012). 6 tháng đầu năm, dự kiến điện thương phẩm là 4.200 triệu kWh, tăng 12,09% so cùng kỳ; tỉ lệ hộ có điện toàn tỉnh ước đạt 99,59%, trong đó khu vực nông thôn ước đạt 99,39% (MTNQ đạt 99%).

- Tổng doanh thu bán lẻ hàng hoá và dịch vụ trên địa bàn tỉnh tiếp tục tăng qua các năm: năm 2011 đạt 71.706 tỷ đồng (+25,3%); năm 2012 đạt 86.955 tỷ đồng (+19,1%). Sáu tháng đầu năm 2013 ước đạt 49.164,2 tỷ đồng (+13,5%). Ước năm 2013, tổng mức bán lẻ HHDV đạt 100.000 tỉ đồng (+15%) và đạt mức tăng bình quân 2011- 2013 là 20,5%/năm.

- Giá cả hàng hóa trên thị trường được kiểm chế, chỉ số giá cả hàng hóa dịch vụ trên địa bàn tỉnh giảm từ mức tăng 17,2% năm 2011 xuống mức tăng 7,02% năm 2012. Tuy nhiên còn 1 số nhóm tăng mạnh là: Hàng ăn, dịch vụ ăn uống; Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt, VLXD và nhóm dịch vụ giao thông. Dự kiến năm 2013, chỉ số giá cả hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn được kiểm chế ở mức dưới 7% (quí 1/2013 tăng 1,45%; 6 tháng đầu năm 2013 tăng 1,32%).

Tuy nhiên, do tình hình kinh tế khó khăn nên xuất hiện nhiều ngành sản xuất giảm, cụ thể: năm 2011 chỉ có 1 ngành giảm là ngành sản xuất thiết bị văn phòng và máy tính (-28%); năm 2012 tăng lên 4 ngành giảm là: Ngành công

ngành khai khoáng (-38%); Ngành sản xuất sản phẩm thuốc lá (-5%); Ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (-4,6%); Ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt (-5,4%) và sáu tháng đầu năm 2013 số ngành giảm là 5 ngành gồm: Ngành khai khoáng (-27%); ngành CBTP (-5%); Ngành giấy và sản phẩm từ giấy (-23%); ngành SXSP từ cao su và plastic (-12%); ngành SX giường, tủ, bàn, ghế (-1%). Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu cũng chậm dần và cán cân thương mại chuyển từ nhập siêu sang xuất siêu, cụ thể:

- Kim ngạch xuất khẩu của tỉnh năm 2011 đạt 9.535 triệu USD, tăng 26,4% so cùng kỳ (MTNQ 15-17%); năm 2012 KNXK đạt 10.489 triệu USD, tăng 10% so cùng kỳ (MTNQ 16-17%). Sáu tháng đầu năm 2013, KNXK của tỉnh mới đạt 44,4% KH năm (5.328,4 triệu USD) và chỉ tăng 4% so với cùng kỳ. Để đạt được MTNQ 5 năm 2011- 2015 đã đề ra (MTNQ 15-17%). KNXK năm 2013 của tỉnh phân đầu tăng trưởng so cùng kỳ từ 10-12,5% (KH năm 2013 là 12-15%). Trong trường hợp KNXK năm 2013 tăng 10% so cùng kỳ (đạt 11.540 triệu USD) thì tăng trưởng BQ 3 năm 2011- 2013 là 15,2%; Trong trường hợp năm 2013, KNXK của tỉnh tăng 12,5% so cùng kỳ (đạt 11.800 triệu USD) thì tăng trưởng bình quân 2011- 2013 là 16,1%/năm. Nếu KNXK của tỉnh năm 2013 tăng trưởng dưới 10% thì tăng trưởng BQ 3 năm dưới 15%/năm (không đạt MTNQ đề ra).

Cơ cấu thị trường xuất khẩu của tỉnh: đứng đầu là Châu Á (54% KNXK); thứ 2 là Châu Mỹ (27% KNXK); thứ 3 là Châu Âu (18% KNXK). Mặt hàng XK chủ yếu là dệt may, giày dép, cà phê, gỗ và sản phẩm từ gỗ, linh kiện điện tử và một số mặt hàng nông sản như: cà phê, hạt điều, mủ cao su, mật ong. Trong thời gian qua do ảnh hưởng khó khăn chung của nền kinh tế thế giới, thị trường xuất khẩu thu hẹp, hợp đồng xuất khẩu giảm, giá xuất khẩu một số mặt hàng bị giảm (nhất là hàng nông sản như cao su, hạt điều).

- Kim ngạch nhập khẩu của tỉnh: năm 2011 đạt 10.743 triệu USD, (+17,2%), tỷ lệ nhập siêu 12,7%; năm 2012 KNNK đạt 10.466 triệu USD (-2,6%), xuất siêu 0,2%. Ước năm 2013, KNNK toàn tỉnh đạt 11.700 triệu USD (+11,8%), xuất siêu 0,8% và đạt mức tăng trưởng bình quân 2011- 2013 là 8,5%/năm.

Thị trường nhập khẩu của tỉnh chủ yếu từ Châu Á (chiếm 79% KNNK); tiếp đến là Châu Mỹ (chiếm 14%); Châu Âu (4%). Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của tỉnh là: MMTB, phụ tùng cho sản xuất; chất dẻo nguyên liệu, hóa chất, kim loại thường, nguyên liệu thức ăn gia súc.

2. Kết quả triển khai các kế hoạch, chương trình, đề án

2.1. Triển khai thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Bộ Công Thương và UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội; tháo gỡ khó khăn cho SXKD, hỗ trợ thị trường.

Thứ nhất: Tăng cường công tác nắm tình hình, tập trung tháo gỡ khó khăn và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn ngân hàng để đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh:

- Tổng hợp các khó khăn vướng mắc về vay vốn tín dụng của các doanh nghiệp gửi cho Ngân hàng Nhà nước tỉnh nghiên cứu, xử lý và thẩm định, xét duyệt nhu cầu vay vốn của tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Kết quả có 4 doanh nghiệp đã thực hiện thủ tục vay vốn với lãi suất ưu đãi.

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức hội nghị gặp gỡ đối thoại giữa các NHTM và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (với sự tham gia của 64 doanh nghiệp, 33 ngân hàng thương mại, trong đó có 20 ngân hàng giới thiệu 166 gói hỗ trợ vay vốn. Kết quả, có 5 doanh nghiệp đủ điều kiện vay vốn ngân hàng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp giảm lượng hàng tồn kho (hơn 1 ngàn tấn điều thô) trên địa bàn huyện Xuân Lộc.

Thứ hai: Tập trung triển khai có hiệu quả Chương trình xúc tiến Thương mại, Chương trình khuyến công.

- *Chương trình xúc tiến thương mại:*

+ Phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức hội nghị gặp gỡ các doanh nghiệp Đồng Nai với các tham tán thương mại, Đại sứ các nước tại Đồng Nai; Qua hội nghị đã hỗ trợ doanh nghiệp kết nối, trao đổi những vấn đề thiết thực doanh nghiệp quan tâm với các đơn vị tham tán, Đại sứ các nước. Hỗ trợ cung cấp cho các doanh nghiệp thông tin về thị trường giá cả, các chương trình xúc tiến thương mại quốc gia của Bộ trên trang tin điện tử của ngành.

+ Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia các hội chợ triển lãm trong nước (Đắc Nông, Long An, An Giang; Sóc Trăng, Trà Vinh, Cần Thơ và TP. HCM) và nước ngoài (Trung Quốc, Singapore, Myanmar, CHLB Đức) nhằm quảng bá, giới thiệu sản phẩm và ký kết hợp tác. Số lượt doanh nghiệp tham gia không ngừng tăng lên từ 60 lượt doanh nghiệp năm 2011 lên khoảng 120 lượt năm 2012.

+ Phát triển 02 điểm trong chuỗi siêu thị vừa và nhỏ phục vụ người tiêu dùng tại KCN Biên Hòa 2, TP. Biên Hòa và thị trấn Định Quán, H. Định Quán.

+ Liên kết với TP.HCM phát triển chuỗi chăn nuôi, chế biến và tiêu thụ trên địa bàn TP. HCM. Tổ chức hội nghị liên kết giao thương Đồng Nai - Lâm Đồng nhằm hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm thực phẩm, rau quả an toàn vào hệ thống siêu thị và kênh phân phối truyền thống.

+ Hai năm 2011- 2012, đã tổ chức 12 phiên chợ phục vụ công nhân; 41 phiên chợ hàng Việt về nông thôn. Đồng thời, tổ chức Chương trình Tuần hàng Việt Nam; Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao và nhiều hội chợ triển lãm khác nhằm tôn vinh thương hiệu hàng Việt và kích cầu tiêu dùng hàng Việt. Năm 2013, tổ chức 05 phiên chợ công nhân; 20 phiên chợ hàng Việt về nông thôn; 02 hội chợ trong tỉnh; 07 hội chợ ngoài tỉnh; 03 hội chợ nước ngoài; 01 đoàn giao thương phát triển thị trường tại nước ngoài; 11 hội thảo; 04 lớp tập huấn; phát triển 03 điểm trong chuỗi siêu thị vừa và nhỏ tại các huyện và các KCN.

+ Sáu tháng đầu năm 2013, tổ chức 03 phiên chợ Hàng Việt phục vụ công nhân; 12 phiên chợ hàng Việt về nông thôn; 32 chuyến hàng Việt phục vụ công nhân vào nhà máy và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- *Chương trình khuyến công:*

+ Phối hợp với Cục CNĐP tổ chức hội nghị công tác khuyến công gắn với xây dựng nông thôn mới khu vực miền Đông Nam bộ; Tham gia hội chợ triển lãm sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tại Kiên Giang, Trà Vinh, Long An, Ninh Thuận, Hà Nội, Hội chợ Festival tại Bến Tre, Huế, Phú Yên.

+ Tổ chức xét chọn, trao giải cuộc thi sáng tạo kiểu dáng hàng thủ công mỹ nghệ. Xét tặng danh hiệu nghệ nhân, thợ giỏi, người có công đưa nghề về địa phương. Kết quả: số nghệ nhân, thợ giỏi được công nhận tăng lên: năm 2011 công nhận 02 nghệ nhân, 49 thợ giỏi; 01 cá nhân có công đưa nghề về địa phương. Năm 2012, công nhận 04 nghệ nhân, 60 thợ giỏi.

+ Mở 02 lớp khởi sự doanh nghiệp cho 79 người; 01 lớp tăng cường khả năng kinh doanh cho 40 người tham gia.

+ Hai năm 2011- 2012, đã đào tạo các nghề may công nghiệp cho gần 1.200 lao động; nghề đan thủ công cho 280 lao động; nghề gỗ mỹ nghệ cho 50 lao động; nghề cơ khí cho 35 lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc, cơ khí và gỗ mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh.

+ Năm 2013, dự kiến tổ chức đào tạo nghề cơ sở CNNT cho 350 lao động bằng nguồn khuyến công Quốc gia và 500 lao động nguồn khuyến công địa phương; Tổ chức lớp khởi sự doanh nghiệp cho 300 học viên; Tăng cường khả năng kinh doanh, Marketing và tập huấn công tác kế toán cho 120 học viên; Xây dựng 03 mô hình trình diễn kỹ thuật công nghệ mới, sản phẩm mới; Tổ chức 02 hội thảo giới thiệu công nghệ, kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất; Hỗ trợ 05 mô hình ứng dụng máy móc vào sản xuất; Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu cho 02 đơn vị. Tham gia 03 hội chợ triển lãm các tỉnh; Tổ chức 02 đoàn trao đổi kinh nghiệm, tìm kiếm đối tác ngoài tỉnh. Hỗ trợ 100 gian hàng cho các cơ sở, doanh nghiệp tham gia hội chợ.

2.2. Triển khai kế hoạch bình ổn thị trường hàng hóa thiết yếu

- Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh về triển khai kế hoạch bình ổn giá một số mặt hàng thiết yếu trên địa bàn tỉnh, góp phần bảo đảm cân đối cung cầu, ổn định giá cả hàng hóa các tháng cuối năm và dịp Tết Nguyên đán, tránh tình trạng đầu cơ găm hàng, sốt giá ảo. Qua 2 năm (2011- 2012) đã tổ chức triển khai một số mặt hàng thiết yếu trong diện bình ổn giá với kết quả đạt được như sau: mặt hàng tham gia bình ổn tăng từ 7 mặt hàng (năm 2011) là: gạo, đường, dầu ăn, thịt heo, thịt gà, trứng gà, sách giáo khoa lên 9 mặt hàng (cuối năm 2012, bổ sung thêm mặt hàng bột ngọt và nước chấm); số đơn vị tham gia bán hàng bình ổn tăng lên từ 6 doanh nghiệp (năm 2010) lên 18 doanh nghiệp (năm 2011) và 31 doanh nghiệp (năm 2012); số điểm tham gia bán hàng bình ổn từ 54 điểm (năm 2011) tăng lên 98 điểm (năm 2012), riêng thành phố Biên Hòa từ 21 điểm (năm 2011) tăng lên 34 điểm (năm 2012). Số vốn duyệt vay hỗ trợ bán hàng bình ổn khoảng 58 tỉ đồng/năm.

+ Kinh phí hỗ trợ cước vận chuyển cho các HTX bán hàng lưu động phục vụ đồng bào vùng sâu vùng xa trong dịp tết Nguyên đán cũng được quan tâm thực hiện: năm 2011 hỗ trợ tổ chức 30 chuyến (kinh phí hỗ trợ 81 triệu đồng); năm 2012 hỗ trợ tổ chức 45 chuyến bán hàng lưu động (kinh phí 65,6 triệu đồng)

- Hiện Sở Công Thương đã tổng kết kế hoạch bình ổn giá năm 2012 và đề xuất kế hoạch bình ổn giá năm 2013 theo hướng giữ nguyên số vốn 84 tỷ đồng và 08 mặt hàng bình ổn của chương trình năm 2012, ưu tiên đối tượng tham gia chương trình là đơn vị sản xuất, các hộ kinh doanh có uy tín tại các xã chưa có điểm bán. Tập trung mở rộng, phát triển mạng lưới phân phối đến vùng sâu, vùng xa, bổ sung thêm các chuyển bán hàng lưu động, tổ chức các phiên chợ nông thôn kết hợp bán hàng bình ổn giá.

2.3. Triển khai chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp (có b/c chuyên đề riêng)

- Năm 2011, triển khai xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và kế hoạch triển khai chương trình giai đoạn 2011-2015; Tuyên truyền các nội dung, quy định, các thông tin, tài liệu, số liệu liên quan đến Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp giai đoạn 2011-2015 trên bản tin công nghiệp – thương mại và website của Sở. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền trên Đài Đồng Nai giai đoạn 2011-2015.

- Năm 2012, thực hiện tuyên truyền 08 chuyên đề về Định hướng phát triển công nghiệp trên địa bàn các huyện, thị nhằm cung cấp thêm thông tin cho các nhà đầu tư sản xuất kinh doanh có nhu cầu đầu tư vào khu, cụm công nghiệp. Tham mưu UBND ban hành Quy định trình tự, thủ tục xét duyệt, hồ sơ hỗ trợ các đơn vị tham gia; Quy chế về trình tự, thủ tục xét chọn và tôn vinh danh hiệu, trao giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu thuộc ngành công nghiệp mũi nhọn trên địa bàn tỉnh.

Kết quả: cơ cấu nhóm ngành công nghiệp ưu tiên tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng từ 61,2% năm 2011 tăng lên 61,5% năm 2012. Tốc độ tăng trưởng nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn nhanh hơn so với mức tăng trưởng chung của toàn ngành công nghiệp. Cho thấy sự chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp của nhóm ngành này đang có xu hướng phát triển tích cực trong thời gian tới. Tuy nhiên, qua 2 năm triển khai, số doanh nghiệp đăng ký tham gia chương trình trên số được thông báo chiếm tỉ lệ rất thấp nên công tác hỗ trợ cũng như hiệu quả chương trình chưa cao

2.4. Triển khai chương trình phát triển dịch vụ (có b/c chuyên đề riêng)

- Năm 2011, triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm: tổ chức tọa đàm “Tìm giải pháp phát triển tuyến du lịch sông Đồng Nai”. Cập nhật danh sách cơ sở đủ điều kiện cung cấp suất ăn công nghiệp để thông tin đến các doanh nghiệp thông qua Website của BQL các KCN. Tham mưu UBND phê duyệt dự án quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giai đoạn đến năm 2020; Quy hoạch phát triển vận tải khách bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2012 – 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030 nhằm phát triển loại hình vận tải khách bằng xe buýt, xe taxi, năm 2011.

- Năm 2012, triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm như: khảo sát nhu cầu cung cấp suất ăn công nghiệp của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, đề xuất hướng phát triển. Hiện có 61 doanh nghiệp với 28.340 lao động có nhu cầu thông tin về các cơ sở suất ăn công nghiệp, tổ chức buổi gặp mặt giữa các cơ sở, dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp đủ điều kiện kinh doanh cung cấp về suất ăn công nghiệp với các doanh nghiệp có nhu cầu. Triển khai dự án thí điểm 100

căn nhà ở xã hội tại huyện Nhơn Trạch (khởi công quý II/2012) và 400 căn ở Biên Hoà. Tổ chức khảo sát nhu cầu du lịch, chất lượng các dịch vụ du lịch năm 2012. Trên cơ sở đó, báo cáo đề xuất trình UBND tỉnh chỉ đạo phát triển dịch vụ du lịch tại Đồng Nai.

Nhìn chung 2 năm 2011- 2012, lĩnh vực thương mại dịch vụ của tỉnh tiếp tục phát triển khá, đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực (tăng dần tỉ trọng ngành thương mại, dịch vụ và giảm dần tỉ trọng ngành công nghiệp). Xác định và từng bước hình thành một số dịch vụ trọng tâm cần tập trung phát triển trong thời gian tới.

2.5. Triển khai chương trình hợp tác kinh tế quốc tế (có b/c riêng)

Năm 2011, triển khai kiện toàn cơ cấu tổ chức và ban hành quy chế làm việc của các đơn vị trực thuộc nhằm đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ trong công tác quản lý. Thành lập Phòng Dân tộc thuộc UBND 9 huyện (trừ huyện Nhơn Trạch và TP Biên Hòa), thành lập phòng Công tác Thanh niên; Chi cục Văn thư lưu trữ thuộc Sở Nội vụ. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại: Tiếp và làm việc 161 đoàn (817 lượt khách) vào làm việc trên địa bàn tỉnh; cấp phép lao động cho 2.579 người nước ngoài đang làm việc trên địa bàn tỉnh; duy trì thực hiện Khai báo Hải quan điện tử; Tiếp tục triển khai áp dụng chương trình “Đăng ký danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế trực tuyến” trong nội bộ và các doanh nghiệp trên địa bàn để đơn giản hóa thủ tục, giảm chi phí và thời gian đi lại của doanh nghiệp.

Năm 2012, tăng cường công tác hợp tác kinh tế trong nước và củng cố, mở rộng hợp tác ngoài nước. Điển hình như: Liên kết với doanh nghiệp phân phối TP. HCM phát triển chuỗi chăn nuôi, chế biến và tiêu thụ trên địa bàn TP. HCM. Phối hợp Trung tâm XTĐT - TMDL Lâm Đồng tổ chức hội nghị liên kết giao thương Đồng Nai - Lâm Đồng nhằm hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm thực phẩm, rau quả an toàn vào hệ thống siêu thị và kênh phân phối truyền thống. Tham gia các Hội chợ triển lãm tại TP. HCM, Long An; khảo sát thị trường nguyên liệu và tìm cơ hội đầu tư tại Đắc Nông. Tổ chức đoàn đi xúc tiến đầu tư tại Nhật Bản và Hàn Quốc nhằm giới thiệu với các nhà đầu tư về tiềm năng, lợi thế, cơ hội khi đầu tư. Sau hội nghị đến nay có 20 dự án đầu tư từ Nhật Bản đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư (số vốn đăng ký 514,5 triệu USD, chiếm 41% số dự án và 80% vốn đầu tư thu hút mới vào các khu công nghiệp trong 11 tháng) và 22 dự án của Nhật Bản bổ sung vốn (vốn bổ sung 98,8 triệu USD), là kết quả mang lại từ các hội nghị xúc tiến đầu tư Nhật Bản và có trên 10 nhà đầu tư Hàn Quốc quan tâm tìm hiểu các vị trí đầu tư tại tỉnh. Tiếp nhận vốn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài khoảng 10.302 tỷ đồng tương đương 494.604 USD. Triển khai các Dự án thuộc nguồn vốn ODA: hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 1, công suất 100.000m³/ngày và hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2, công suất từ 100.000m³/ngày lên 200.000m³/ngày.

Nhìn chung, việc thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị với các địa phương trong nước và nước ngoài đã giúp cho Đồng Nai có điều kiện để học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ thông tin, thúc đẩy hợp tác trong một số lĩnh vực như giáo dục, nông nghiệp, du lịch...thực hiện chủ trương hội nhập quốc tế của tỉnh.

Phương hướng 2013, rà soát các văn bản, thỏa thuận ghi nhớ đã ký kết; đơn đốc các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện, thúc đẩy các chương trình, quan hệ hợp tác đi vào chiều sâu, thiết thực, có hiệu quả.

3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

3.1. Kết quả thực hiện tiết kiệm điện

- Hàng năm, Sở Công Thương đều tham mưu UBND tỉnh ban hành chỉ thị về việc thực hiện sử dụng điện tiết kiệm. Đồng thời chỉ đạo ngành điện tăng cường công tác tuyên truyền, vận động tiết kiệm điện bằng nhiều hình thức. Tổ chức lễ ký kết quy chế tiết kiệm điện giám sát cung ứng và sử dụng điện với một số cơ quan, đoàn thể chính trị, xã hội của tỉnh (năm 2011). Triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết và tổng kết, đánh giá hàng năm.

- Kết quả: Phần lớn các tổ chức, cá nhân đã nhận thức và thực hiện tốt các chủ trương tiết kiệm điện nhất là các đối tượng khách hàng sản xuất công nghiệp. Năm 2011 toàn tỉnh đã tiết kiệm được gần 91 triệu kWh điện. Trong đó tiết kiệm điện trong sản xuất công nghiệp gần 60 triệu kWh (chiếm 66%). Năm 2012, tiết kiệm 110 triệu kWh (tăng 20% so năm 2011). Dự ước sản lượng điện tiết kiệm trên địa bàn tỉnh 06 tháng đầu 2013 đạt 93 triệu kWh, đạt 52% kế hoạch năm.

3.2. Kết quả đầu tư mạng lưới điện nông thôn

- Năm 2011: Hoàn tất đầu tư lưới điện hạ thế cho các xã đồng bào dân tộc và các xã anh hùng với 44/69 hạng mục của ngành điện đầu tư (32,22 km đường dây hạ thế, vốn hỗ trợ đầu tư 9,573 tỷ đồng và 93 hạng mục của các địa phương đầu tư (123,33 km đường dây hạ thế, vốn hỗ trợ đầu tư 18,7 tỷ đồng). Hoàn tất đầu tư theo kế hoạch điện khí hóa nông thôn năm 2008 (khối lượng điện trung thế nông thôn: 2 km trung thế 3 pha; 9,8 km trung thế 1 pha; lắp đặt 09 TBA (487,5KVA) và điện khí hóa năm 2010 (21 hạng mục với 26,38 km đường dây trung thế và 19 TBA (1.650 kVA).

- Năm 2012: hoàn tất đóng điện và đưa vào sử dụng 29/31 hạng mục. Hoàn thành đầu tư bổ sung theo kế hoạch điện nông thôn năm 2012 và đưa vào sử dụng (10,6 km đường dây trung thế 1 pha, 15 trạm biến áp với tổng dung lượng 825 kVA. Vốn đầu tư trên 3 tỷ đồng).

- Sáu tháng đầu năm 2013, Điện lực các địa phương thực hiện công tác đầu tư 32 hạng mục (41,3 km đường dây trung thế, 41 TBA với tổng dung lượng 2.807,5 kVA). Dự kiến nghiệm thu hoàn thành tháng 09/2013.

3.3. Công tác thực hiện giá bán điện cho hộ nghèo, hộ thu nhập thấp.

- Về hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo 30.000 đồng/hộ/tháng theo Quyết định số 268/QĐ-TTg ngày 23/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ: Hai năm 2011-2012, toàn tỉnh hỗ trợ tiền điện cho 73.435 hộ nghèo (năm 2011 hỗ trợ 42.520 hộ nghèo, năm 2012 hỗ trợ 31.415 hộ).

- Về hỗ trợ giá bán điện cho các hộ nghèo, hộ thu nhập thấp (công suất sử dụng điện dưới 50kWh/tháng): Hai năm 2011-2012, toàn tỉnh hỗ trợ 67.773 hộ

(năm 2011 hỗ trợ 45.245 hộ, năm 2012 hỗ trợ 10.545 hộ; 6 tháng đầu 2013 hỗ trợ 11.983 hộ)

- Về cấp định mức điện tại các cơ sở kinh doanh nhà trọ để ở: Năm 2011 cấp 776 hồ sơ kinh doanh nhà trọ với gần 5,4 ngàn định mức. Năm 2012 cấp 785 hồ sơ với 5,7 ngàn định mức điện. 6 tháng đầu 2013, cấp 292 hồ sơ với 2,3 ngàn định mức. Nâng tổng số định mức từ khi triển khai đến cuối 2012 là trên 92,5 ngàn định mức (tương ứng gần 370 ngàn người đi thuê trọ được hưởng).

3.4. Tình hình phát triển cụm công nghiệp (CCN)

Trong 2 năm qua (2011- 2012), nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất và phát triển CCN bền vững, đáp ứng nhu cầu mặt bằng sản xuất công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn. Tỉnh Đồng Nai đang tiếp tục rà soát tiến độ triển khai thực hiện quy hoạch phát triển cụm công nghiệp đến năm 2025, làm căn cứ thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp theo đúng quy định hiện hành. Kết quả:

- Năm 2011, trong tổng số 47 CCN đã được phê duyệt theo quy hoạch công nghiệp của tỉnh (2.101 ha). Sau khi rà soát, kiến nghị loại bỏ quy hoạch 8 CCN (293,58 ha). Đến cuối năm 2011, tỉnh đã loại bỏ 6 cụm, còn 41 cụm.

- Năm 2012, thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 02/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ và văn bản chỉ đạo số 2585/BCT của Bộ Công Thương. Sở Công Thương Đồng Nai đã phối hợp các sở/ngành, địa phương triển khai rà soát lại tình hình phát triển cụm công nghiệp.

+ Lần 1: Sau khi rà soát, tổng số CCN tiếp tục quy hoạch đến năm 2025 là 37 cụm (1.942,7 ha), loại bỏ 4 cụm. Đến cuối 2012, có 31/37 CCN đã có qui hoạch chi tiết, trong đó 20 cụm có chủ đầu tư hạ tầng và 5/20 cụm đã và đang triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng; 06 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động với 105 dự án đầu tư (trên 22 ngàn lao động), tỷ lệ lấp đầy bình quân của các CCN đã hoạt động là 36%.

+ Lần 2: Sau khi rà soát, Sở Công Thương đã có báo cáo gửi UBND tỉnh xem xét, xử lý (BC số 867/BC-SCT ngày 15/5/2013). Theo đó trong 37 CCN rà soát quy hoạch, có 2 CCN đã cơ bản hoàn chỉnh đầu tư hạ tầng là CCN VLXD Hồ Nai 3 và CCN gồm Tân Hạnh; tiếp tục đề nghị giữ quy hoạch 26 CCN (12 CCN đã có chủ đầu tư hạ tầng và 14 CCN chưa có chủ đầu tư hạ tầng); đề nghị loại bỏ quy hoạch 09 CCN chưa có chủ đầu tư hạ tầng và không có tính khả thi. Đồng thời, Sở Công Thương cũng có văn bản gửi UBND TP. Biên Hòa xem xét, giải quyết khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp khi làm thủ tục đầu tư vào CCN gồm sù Tân Hạnh (VB 1037/SCT-CN ngày 04/6/2013). Báo cáo UBND tỉnh xem xét, kiến nghị cho sử dụng lò nung củi có hệ thống xử lý khói bụi, bảo đảm tiêu chuẩn môi trường của các cơ sở sản xuất gốm đất đen trong CCN gồm sù Tân Hạnh (BC 924/BC-SCT ngày 22/5/2013). Kiến nghị hướng xử lý các đề nghị của doanh nghiệp hoạt động trong cụm gốm Tân Hòa (BC 1090/BC-SCT ngày 07/6/2013).

- Khó khăn chính trong triển khai đầu tư hạ tầng CCN và thu hút đầu tư là: Khó khăn trong bồi thường giải tỏa, thời gian thực hiện công tác giải phóng mặt

bằng bị kéo dài, chi phí bồi thường tăng cao. Một số chủ đầu tư hạ tầng không thực hiện dự án hoặc đầu tư cầm chừng do khó khăn về tài chính. Một số CCN đã có các doanh nghiệp sản xuất trước khi quy hoạch chi tiết được duyệt nên chưa khớp nối giữa qui hoạch và hiện trạng.

- Để khắc phục khó khăn trên, hiện nay đang tiếp tục triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 31/2012/TTLT-BCT-BKHĐT ngày 10/10/2012 của liên Bộ Công Thương và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xử lý cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành theo quyết định số 105/2009-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực. Theo đó, toàn tỉnh có 23/37 cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành theo quyết định số 105/2009-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực, với diện tích được quy hoạch là 1.277,22ha. Hiện Sở Công Thương đã tham mưu UBND tỉnh có văn bản số 1678/UBND-KT ngày 05/3/2013 gửi Bộ Công Thương, Bộ KHĐT xem xét, xử lý.

3.5. Tình hình phát triển doanh nghiệp công nghiệp, TTCN

- Năm 2011, số lượng doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) của tỉnh là 2.379 doanh nghiệp, trong đó 1.203 doanh nghiệp nhỏ và 174 doanh nghiệp vừa. Tổng số lao động của các doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh là 188.110 người. Đóng góp vào ngân sách năm 2011 của khối doanh nghiệp nhỏ và vừa ước đạt trên 2.300 tỷ đồng.

- Năm 2012, số doanh nghiệp công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp thành lập mới trong tỉnh là 129 doanh nghiệp. Lũy kế đến cuối năm 2012, tổng số doanh nghiệp công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh là 4.617 doanh nghiệp (tăng 3% so năm 2011). Tổng số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp gần 68 ngàn lao động (tăng 0,8% so năm 2011). Doanh thu bình quân của một doanh nghiệp công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đạt gần 52 ngàn tỷ đồng, tăng 30% so cùng kỳ. Đóng góp cho ngân sách Nhà nước tổng số tiền trên 365 tỷ đồng, tăng 15% so cùng kỳ.

- 6 tháng đầu năm 2013, toàn tỉnh có 924 doanh nghiệp thành lập mới với tổng vốn đăng ký kinh doanh là 3.209 tỷ đồng và 94 lượt doanh nghiệp đăng ký bổ sung vốn với tổng vốn bổ sung là 1.650 tỷ đồng.

- Tuy nhiên, các DNNVV hiện nay còn gặp nhiều khó khăn do: Quy mô nhỏ, công nghệ kỹ thuật lạc hậu; thiếu thông tin thị trường và chưa có sự liên kết giữa các doanh nghiệp để tạo ra lợi thế cạnh tranh. Trình độ và năng lực quản trị kinh doanh của chủ doanh nghiệp còn hạn chế dẫn đến năng lực cạnh tranh hạn chế. + Trong tình hình suy thoái kinh tế và lạm phát, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa không còn khả năng kinh doanh do chi phí tăng, thua lỗ kéo dài, việc tiếp cận nguồn vốn vay chậm và vướng thủ tục. + Tình hình đầu tư hạ tầng các CCN còn chậm, chưa có chính sách ưu đãi để thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư SXKD vào CCN.

Cũng trong 6 tháng đầu năm 2013, toàn tỉnh có 39 doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực thương mại, dịch vụ kinh doanh không hiệu quả đã nộp hồ sơ giải thể; 23 chi nhánh, VPĐD nộp hồ sơ chấm dứt hoạt động; 20 doanh nghiệp, chi nhánh nộp hồ sơ tạm ngừng kinh doanh. Sở Kế hoạch- Đầu tư tỉnh đã thực

hiện thu hồi bắt buộc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1.166 doanh nghiệp. (các doanh nghiệp này thuộc trường hợp phải thu hồi bắt buộc do doanh nghiệp không hoạt động từ nhiều năm trước và chưa làm thủ tục giải thể).

3.6. Tình hình phát triển mạng lưới chợ, siêu thị, TTTM

a) Tình hình phát triển mạng lưới chợ

- Qua 2 năm 2011- 2012, các chợ trên địa bàn tỉnh tiếp tục được đầu tư xây dựng mới và nâng cấp sửa chữa nhằm đáp ứng được nhu cầu mua bán của nhân dân, góp phần tiêu thụ các sản phẩm của địa phương: năm 2011 đã tiến hành xây dựng mới 05 chợ. Sửa chữa nâng cấp 03 chợ. Tháo dỡ xây dựng lại 01 chợ. Nâng tổng số chợ toàn tỉnh từ 193 chợ (năm 2011) lên 200 chợ (năm 2012), từ 22.000 hộ kinh doanh tại chợ (năm 2011) lên 22.547 hộ kinh doanh (năm 2012). Năm 2012, đã tiến hành xây dựng mới trên nền chợ cũ 03 chợ. Di dời - xây mới 04 chợ. Nâng cấp cải tạo 01 chợ.

- Đến cuối năm 2012, tổng số chợ hiện có trên địa bàn Đồng Nai là 216 chợ (trong quy hoạch 200 chợ và ngoài quy hoạch: 16 chợ; 55 chợ thành thị; 161 chợ nông thôn, 09 chợ hạng 1, 34 chợ hạng 2, 173 chợ hạng 3. Tổng số ban quản lý chợ là 72 ban (quản lý 72 chợ). Tổng số tổ quản lý chợ là 97 tổ (quản lý 97 chợ). Tổng số doanh nghiệp kinh doanh, khai thác chợ là 21 doanh nghiệp (quản lý 20 chợ, có 01 doanh nghiệp quản lý, kinh doanh khai thác 02 chợ). Số hợp tác xã kinh doanh, khai thác chợ là 26 hợp tác xã (quản lý 26 chợ). Về cơ sở hạ tầng của các chợ: 100% chợ đã được đấu nối với hệ thống lưới điện quốc gia và hầu hết các chợ có hệ thống cấp nước sạch, một số chợ vùng sâu, vùng xa sử dụng giếng khoan, giếng đào và bằng xe lưu động.

- Tuy nhiên, việc đầu tư xây dựng còn nhiều hạn chế về nguồn vốn (nhất là các chợ nông thôn vùng sâu, vùng xa) do số hộ kinh doanh trong chợ ít, mức thu nhỏ, không đủ khả năng tích lũy xây dựng lại hoặc xây dựng mới. Việc mời gọi các nhà đầu tư rất khó khăn vì lâu thu hồi vốn.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển mạng lưới phân phối gắn kết sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản theo mô hình từ trang trại đến bàn ăn. Mở rộng mạng lưới phân phối trên địa bàn, nhằm kích cầu và đẩy mạnh việc tiêu thụ hàng hóa sản xuất trong nước. Triển khai xây dựng “Bản đồ mạng lưới phân phối” trên địa bàn tỉnh tạo cơ sở cho công tác QLNN về thương mại, công tác bình ổn thị trường, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển mạng lưới phân phối trên thị trường nội địa trong thời gian tới.

- Triển khai xây dựng mô hình chợ thí điểm bảo đảm VSATTP trên địa bàn tỉnh. Triển khai công tác niêm yết giá, bán đúng giá niêm yết (hiện nay có 80% các chợ loại I, II trên địa bàn hực hiện tốt nội dung này) Triển khai xây dựng chợ văn minh tại chợ Biên Hòa và tiếp tục triển khai nhân rộng mô hình đến các địa phương trong tỉnh như: Long Thành, Long Khánh; chợ nội (Nhơn Trạch).

- Tiếp tục rà soát, xây dựng quy hoạch phát triển ngành thương mại; quy hoạch phát triển chợ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Tập trung nghiên cứu xác định phát triển các ngành dịch vụ trọng tâm trong thời gian tới.

b) Tình hình phát triển hệ thống siêu thị, TTTM

- Trong năm 2012, hoàn thành đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động 3 siêu thị: Siêu thị Hoàng Đức (TX. Long Khánh); Siêu thị Bình Đa (P. Bình Đa, TP. Biên Hòa) và siêu thị Lotte-Mart (P. Long Bình, TP Biên Hoà). Siêu Thị Lotte-Mart hoạt động từ tháng 11/2012 với tổng vốn đầu tư 40 triệu USD; Tổng diện tích của dự án là 8.300 m² và tổng diện tích sàn thương mại gần 21.000 m².

- Đến cuối năm 2012, trên địa bàn Đồng Nai có 1 TTTM và 10 siêu thị hoạt động: Trung tâm thương mại Big C (P. Long Bình Tân, TP Biên Hoà); Siêu thị Metro Biên Hòa (P. Quang Vinh, TP Biên Hoà); Siêu thị Coop- Mart Biên Hoà (P. Tân Tiến, TP Biên Hoà); Siêu thị Vinatex 1 (P. Trảng Dài, TP Biên Hoà); Siêu thị Vinatex 2 (P. Thanh Bình, TP Biên Hoà); Siêu thị Lotte-Mart (P. Long Bình, TP Biên Hoà); Siêu thị Hoàng Đức (TX. Long Khánh); Siêu thị Bình Đa (P. Bình Đa, TP. Biên Hòa); Siêu thị Nguyễn Văn Cừ (Trảng Bom); Siêu thị Thạnh Phú (Vĩnh Cửu); Siêu thị Đồng Nai (P. Tân Hiệp- TP. Biên Hòa)

3.7. Kết quả kiểm tra thị trường

- Năm 2011, kiểm tra thị trường 2.754 vụ, phát hiện 2.659 vụ vi phạm; xử lý 2.686 vụ, thu nộp ngân sách trên 5 tỉ đồng. Riêng công tác kiểm tra trong lĩnh vực xăng dầu, xử lý 20/38 vụ vi phạm, thu nộp ngân sách trên 40 triệu đồng.

- Năm 2012, tổng số vụ kiểm tra 2.486 vụ, giảm 10% so cùng kỳ năm 2011. Tổng số vụ vi phạm 2.420 vụ. Tổng số vụ xử lý 2.378 vụ (chuyển cơ quan điều tra 17 vụ). Trong đó: phạt tiền 2.324 vụ, phạt cảnh cáo 54 vụ, tịch thu hàng hóa 282 vụ. Thu nộp ngân sách trên 7 tỉ đồng (tăng 39% so cùng kỳ)

- Trong 6 tháng đầu năm 2013, lực lượng quản lý thị trường của tỉnh đã tiến hành kiểm tra 1.308 vụ, tăng 2% so cùng kỳ. Phát hiện và xử lý 1.288 vụ vi phạm (chiếm 98% số vụ kiểm tra). Thu nộp ngân sách gần 3 tỉ đồng, tăng 26% so cùng kỳ năm 2012. Trong đó: có 59 vụ hàng giả (+09 vụ); 120 vụ vi phạm về điều kiện an toàn VSTP (+40 vụ); 30 vụ hàng lậu (+20 vụ); 50 vụ hàng cấm (+20 vụ); 460 vụ vi phạm về giá (+10 vụ). Theo lĩnh vực vi phạm có: 02 vụ kinh doanh xăng dầu; 07 vụ kinh doanh gas; 16 vụ kinh doanh phân bón; 06 vụ kinh doanh thuốc trừ sâu; 20 vụ kinh doanh thuốc thú y; 02 vụ kinh doanh TÁC N; 103 vụ VSATTP.

- *Lĩnh vực niêm yết giá:* tiến hành kiểm tra thường xuyên, đồng thời đẩy mạnh công tác phổ biến tuyên truyền pháp luật nên đến nay hầu hết các cơ sở kinh doanh tại chợ đã chấp hành việc niêm yết giá hàng hóa (80%). Tuy nhiên, vẫn còn một số cơ sở không niêm yết giá hàng hóa theo quy định. *Năm 2012 xử lý 794 vụ vi phạm trong lĩnh vực giá, xử phạt: 1,3 tỷ đồng.*

- *Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu:* Chỉ đạo Đoàn kiểm tra liên ngành 127/ĐP tỉnh, các Đội QLTT phối hợp cùng các lực lượng chức năng tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và theo dõi diễn biến tình hình kinh doanh xăng dầu trên địa bàn, bố trí lực lượng theo dõi kiểm tra 24/24 đối với các trạm kinh doanh xăng dầu nên trên địa bàn toàn tỉnh.

- *Lĩnh vực VSATTP:* Chỉ đạo các Đội QLTT đóng trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác phối hợp với cơ quan Thú y kiểm tra công tác VSATTP, kiểm tra

kiểm soát giết mổ gia súc gia cầm, mua bán gia súc gia cầm chưa qua kiểm dịch, kiểm tra chất phụ gia cấm sử dụng. Năm 2012, QLTĐ tỉnh đã kiểm tra, xử lý 149 vụ vi phạm về VSATTP, thu phạt hành chính: 405 triệu đồng.

- Lĩnh vực sản xuất TĂCN, phân bón: Năm 2012, phát hiện xử lý 04 vụ sử dụng chất cấm, 01 vụ sản xuất TĂCN có hàm lượng không đạt tiêu chuẩn (hàng giả); 01 vụ không công bố chất lượng; 05 vụ kinh doanh phân bón không đảm bảo chất lượng.

3.8. Công tác cải cách hành chính

- Tập trung rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực công thương và công khai toàn bộ thủ tục hành chính tại nơi làm việc và trên Website của Sở. Thực hiện nâng cấp website của Sở; Nâng cấp hệ thống mạng nội bộ và nâng cấp phần mềm cấp phép qua mạng. Kết quả: tiếp nhận và trả kết quả bình quân 600 hồ sơ/năm; tiếp nhận và xử lý gần 3000 thông báo thực hiện khuyến mại; tiếp nhận và xử lý gần 3.000 văn bản đến các loại.

- Cải tiến nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền những chủ trương, chính sách của Trung ương và Địa phương; thông tin về thị trường trong và ngoài nước đến các doanh nghiệp thông qua các chương trình hội thảo, xúc tiến đầu tư và các bản tin trên trang Website của ngành.

- Tăng cường công tác phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan: Trong 2 năm qua, Sở Công Thương đã tổ chức ký kết hợp tác với: (1) Cục Hải Quan trong việc cung cấp, trao đổi thông tin về tình hình XNK trên địa bàn tỉnh để có cơ sở phân tích sâu về tình hình XNK theo thị trường, mặt hàng. (2) Triển khai qui chế phối hợp với Công An tỉnh trong việc thực hiện một số thủ tục cấp phép liên thông, giảm bớt thời gian đi lại cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Qui chế phối hợp với Sở Thông tin- truyền thông nhằm tăng cường công tác tuyên truyền thông tin các cơ chế chính sách của ngành công thương (3) Chương trình phối hợp với Tỉnh Đoàn về tăng cường công tác thanh niên trong thời kỳ mới. (4) Chương trình phối hợp với Hội nông dân tỉnh nhằm phát triển thương mại nông thôn giai đoạn 2011- 2015.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

- Kinh tế thế giới gặp khó khăn, thị trường xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực của tỉnh bị thu hẹp, giảm kim ngạch. Mặc dù sản xuất, xuất khẩu trên địa bàn tỉnh tiếp tục tăng nhưng tốc độ tăng đã chậm lại (tốc độ tăng năm sau thấp hơn so với năm trước). Sản xuất vẫn tập trung nhiều vào những sản phẩm có mức gia công lớn, hiệu quả thấp. Công nghiệp hỗ trợ chưa có chính sách khuyến khích phát triển.

- Thị trường xuất khẩu chưa có nhiều chuyển dịch tích cực, chủ yếu vẫn là thị trường truyền thống. Tỷ lệ nhập khẩu chủ yếu là nguyên liệu, nhất là nguyên liệu gia công sản xuất hàng dệt may, giày dép.

- Công tác đấu tranh chống hàng giả, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đã tích cực kiểm tra và xử lý kịp thời những vụ việc vi phạm. Ngoài những vụ việc có

quy mô lớn được phát hiện xử lý còn tiềm ẩn nhiều vụ việc vi phạm với những thủ đoạn tinh vi nhằm trốn tránh các lực lượng chức năng kiểm tra.

- Giá cả nhiều loại nguyên nhiên vật liệu trên thế giới tăng; trong nước giá xăng, dầu, gas cũng được điều chỉnh tăng theo giá thị trường, nhiều loại dịch vụ phí tăng trong khi giá bán sản phẩm và giá xuất khẩu tăng thấp, thậm chí còn giảm cũng ảnh hưởng đến tình hình SXKD của các doanh nghiệp.

- Công tác phát triển mạng lưới phân phối bán hàng bình ổn còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt ở vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa; một số huyện chưa có điểm bán hoặc mạng lưới bán hàng còn mỏng (Định Quán, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu). Tại các huyện, các điểm bán chủ yếu chỉ tập trung tại chợ (giao hàng lại cho các tiểu thương là xã viên) hoặc bán tại văn phòng hợp tác xã, địa điểm gần khu vực trung tâm huyện, thị, do đó nhiều người dân tại các xã vùng sâu, vùng xa chưa tiếp cận được chương trình.

- Việc triển khai xây dựng và thực hiện một số quy hoạch, chương trình, đề án của ngành còn chậm so mục tiêu đề ra: đề án khuyến công nông thôn, thương mại nông thôn, điện khí hóa nông thôn, đầu tư hạ tầng CCN, tiến độ di dời các cơ sở gốm mỹ nghệ vào CCN gốm Tân Hạnh, tiến độ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường ra khỏi quy hoạch đô thị, quy hoạch khu dân cư.

2. Nguyên nhân

- Do ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế, nợ công một số nước lớn trên thế giới, lạm phát tăng cao, giá cả biến động, lãi suất ngân hàng ở mức cao ảnh hưởng đến sản xuất, xuất khẩu.

- Hệ thống chính sách phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ vừa được ban hành, chủ yếu dựa trên các chính sách văn bản hiện hành, chưa tạo được sức hút mạnh, thuận lợi, cụ thể cho mời gọi đầu tư các dự án công nghiệp hỗ trợ.

- Khu vực nông thôn, khu dân cư vùng sâu, vùng xa đời sống, thu nhập còn nhiều khó khăn. Do đó, việc xã hội hóa nguồn vốn đóng góp để triển khai xây dựng phát triển hạ tầng công nghiệp, thương mại nông thôn theo quy hoạch thực hiện còn chậm so với kế hoạch đề ra.

- Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các đề án, quy hoạch chưa chặt chẽ. Công tác di dời chợ Tân Hiệp, Vĩnh Tân, Long Khánh còn gặp nhiều khó khăn, khiếu kiện chậm xử lý, gây bức xúc lớn trong nhân dân.

- Công tác phát triển mạng lưới bán hàng bình ổn giá còn khó khăn, đặc biệt vùng sâu, vùng xa, một số huyện chưa có điểm bán, mạng lưới bán hàng còn mỏng (Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Vĩnh Cửu).

- Việc đầu tư, đổi mới công nghệ còn hạn chế; chất lượng nguồn nhân lực ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển, tỷ lệ lao động phổ thông còn lớn, nhất là các ngành dệt may, da giày.

- Do diễn biến khó lường của nền kinh tế thế giới, ảnh hưởng tới công tác dự báo và thông kê chuyên ngành; việc phối hợp giữa các địa phương và các sở, ngành liên quan trong một số lĩnh vực còn thiếu chặt chẽ, chưa kịp thời đã ảnh hưởng đến kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ chung của ngành công thương, nhất là việc xây dựng các kế hoạch, chương trình, đề án của ngành.

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

I. MỤC TIÊU

Tiếp tục tranh thủ sự quan tâm giúp đỡ của các Bộ ngành TW, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ của các sở ngành, địa phương và cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đồng thời căn cứ vào Mục tiêu Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng Bộ tỉnh Đồng Nai lần IX; Nghị quyết số 188/2010/NQ-HĐND ngày 06/12/2010 của HĐND tỉnh khóa VII (kỳ họp 21) về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển KTXH, QPAN 5 năm 2011- 2015 để nỗ lực vượt qua khó khăn, tìm giải pháp phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đã đặt ra của ngành công thương. Cụ thể:

- Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2011- 2015 từ 15-17%/năm.
- Tỷ lệ hộ có điện trong vùng qui hoạch dân cư đến cuối năm 2015 đạt 99%.
- Đến năm 2015, cơ cấu GDP ngành dịch vụ chiếm: 38% - 39% trong tổng GDP toàn tỉnh.

II. NHIỆM VỤ

- Tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành (*tăng dần tỉ trọng những ngành có GTGT cao, ít ô nhiễm môi trường*) và chuyển dịch theo địa bàn huyện, TX Long Khánh, TP. Biên Hòa (*phát triển công nghiệp dệt may, giày dép, chế biến nông sản thực phẩm, chế biến gỗ tại những địa bàn Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ*).

- Nâng dần tỷ trọng ngành kinh tế dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Phát triển dịch vụ đáp ứng yêu cầu ngày cao của mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh. Tập trung phát triển mạnh các ngành dịch vụ chất lượng cao như: giáo dục, y tế, tài chính, thông tin truyền thông, khoa học công nghệ, phân phối, cảng – kho bãi, giao thông vận tải. Đẩy mạnh phát triển các loại hình thương mại dịch vụ phục vụ công nhân (nhà ở, xe đưa rước), nông dân - nông nghiệp – nông thôn.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành Công Thương trên các lĩnh vực công tác:

+ Trên lĩnh vực Quản lý nhà nước (*đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục cấp phép, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra sau cấp phép; rà soát kiến nghị bãi bỏ hoặc thay thế các cơ chế chính sách không còn phù hợp thực tế để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp SXKD; công bố công khai các qui hoạch, chương trình, đề án của ngành và lộ trình triển khai thực hiện đến các tổ chức, cá nhân liên quan biết, thực hiện*)

+ Trên lĩnh vực kiểm soát thị trường (*Quan tâm chỉ đạo kiểm tra, xử lý những vấn đề liên quan đến ngành gây đang được dư luận quan tâm như: vệ sinh an toàn thực phẩm; quản lý giá tại các chợ loại 1, loại 2; chống hàng giả, hàng kém chất lượng; tăng cường thông tin tuyên truyền trên báo, đài và công khai các địa chỉ vi phạm*).

+ Trên lĩnh vực xúc tiến thương mại (*Quan tâm nâng cao chất lượng, hiệu quả của các hoạt động chương trình xúc tiến thương mại. Chú trọng đến thành phần doanh nghiệp tham gia, theo dõi các biên bản ghi nhớ, các hợp đồng kinh tế được ký kết của các doanh nghiệp khi tham gia các hoạt động xúc tiến, nghiên cứu mở rộng thị trường mới*).

+ Trên lĩnh vực khuyến công (*nâng cao chất lượng, hiệu quả các lớp đào tạo nghề từ nguồn kinh phí khuyến công tổ chức tại các địa phương huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa và tăng cường công tác giám sát việc tổ chức thực hiện ở địa phương; nhân rộng các điển hình trong công tác bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu và xét tặng danh hiệu nghệ nhân, thợ giỏi, người có công đưa nghề về địa phương hàng năm*)

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Tiếp tục nghiên cứu, tham mưu tỉnh giải pháp thực hiện có hiệu quả 2 trong 8 chương trình phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn tỉnh 2011- 2015:

- Chương trình chuyển dịch cơ cấu các ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh như: *Xây dựng Quy chế phối hợp QLNN về thu hút đầu tư các ngành công nghiệp vào các KCN trên địa bàn tỉnh nhằm thực hiện đúng định hướng ngành nghề thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp của tỉnh. Tổ chức rà soát toàn bộ ngành nghề thu hút đầu tư vào từng khu công nghiệp ở các địa bàn. Tăng cường công tác phối hợp trong quản lý cụm công nghiệp. Tạo điều kiện về mặt bằng sản xuất để thu hút đầu tư phát triển công nghiệp tại các huyện Định Quán, Tân Phú, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Thống Nhất...*

- Chương trình phát triển các ngành dịch vụ trên địa bàn tỉnh: *chú trọng phát triển hệ thống cửa hàng, chợ phục vụ cho mua sắm, tiêu thụ hàng nông sản của địa phương. Quan tâm đầu tư và thu hút đầu tư phát triển các loại hình dịch vụ: dịch vụ du lịch; dịch vụ phục vụ các khu công nghiệp; dịch vụ giao thông, vận tải; Dịch vụ thông tin truyền thông; Dịch vụ tài chính ngân hàng; Dịch vụ y tế. Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư bằng cách kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, có chính sách ưu tiên thu hút vốn cho các dự án phát triển thương mại- dịch vụ, đặc biệt là phát triển dịch vụ ở các khu, cụm công nghiệp.*

- Đẩy mạnh công tác dự báo, theo dõi diễn biến giá cả thị trường. Từng bước hoàn thiện các chỉ tiêu thống kê chuyên ngành và tổ chức thống kê ngành công thương.

- Triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện một số quy hoạch, chương trình, đề án của ngành, cụ thể:

1. Về Công nghiệp

- Tăng cường công tác nắm tình hình tại doanh nghiệp, kiến nghị tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc nhất là về cơ chế, chính sách, về thị trường, vốn nhằm giúp doanh nghiệp ổn định và phát triển SXKD.

- Tiếp tục rà soát tình hình quy hoạch cụm công nghiệp (CCN) và triển khai đầu tư hạ tầng CCN trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo, kiến nghị loại bỏ những CCN chưa có chủ đầu tư hạ tầng và không có tính khả thi. Phối hợp UBND TP. Biên

Hòa và các đơn vị liên quan, rà soát lại quy hoạch, sớm xử lý các kiến nghị của doanh nghiệp liên quan đến CCN gỗ Tân Hòa; xử lý các vướng mắc về di dời các doanh nghiệp vào CCN gỗ Tân Hạnh.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh đến 2015, định hướng đến 2020 sau khi phê duyệt.

- Tiếp tục tham mưu UBND ban hành chỉ thị thực hiện tiết kiệm điện trên địa bàn tỉnh hàng năm. Tăng cường kiểm tra, giám sát các đối tượng khách hàng tiêu thụ điện trọng điểm sử dụng nhiều điện như xi măng, sắt thép, hóa chất và các cơ quan HCSN chưa thực hiện tiết giảm.

- Tổng hợp danh mục lưới điện phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và vùng quy hoạch chăn nuôi tập trung trình UBND tỉnh xin chủ trương chỉ đạo.

- Triển khai các nhiệm vụ bảo vệ môi trường của ngành Công Thương như: xây dựng Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường; đề án kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành công thương.

- Hoàn chỉnh xây dựng Quy hoạch phát triển ngành Rượu-Bia-Nước giải khát trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, có xét đến năm 2025. Hoàn chỉnh xây dựng Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp cơ khí chế tạo trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, có xét đến năm 2025 trình phê duyệt và triển khai thực hiện.

2. Thương mại

- Tham mưu UBND tỉnh rà soát, bổ sung Chương trình hành động số 43B-Ctr-TU của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh khóa VIII về thúc đẩy kinh tế Đồng Nai phát triển nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 08/NQ/TW (khóa X).

- Tiếp tục nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh triển khai kế hoạch bình ổn giá một số mặt hàng thiết yếu theo hướng tăng số mặt hàng, số đơn vị tham gia bình ổn, ưu tiên đối với những đơn vị, hộ kinh doanh có uy tín tại các xã chưa có điểm bán.

- Chủ trì, phối hợp các huyện thành lập các Tổ an toàn thực phẩm tại các chợ và triển khai hoạt động kiểm tra, báo cáo theo chỉ đạo.

- Chủ trì, phối hợp các phòng đơn vị liên quan rà soát và đề xuất hướng xử lý các nội dung bất cập trong công tác quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện quy hoạch LPG của ngành.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn vào các chợ theo chỉ đạo của tỉnh.

- Phối hợp Câu lạc bộ các nhà xuất nhập khẩu, Cục Hải Quan và Sở Giao thông làm việc với Cảng Đồng Nai để kết nối giúp giảm chi phí vận chuyển cho các doanh nghiệp xuất khẩu ở Đồng Nai.

- Tổng hợp việc thống kê, rà soát và đánh giá hiện trạng hệ thống chợ trên địa bàn. Lập kế hoạch xây dựng mô hình chợ văn minh, văn hóa giai đoạn 2013-2015 báo cáo UBND tỉnh. Tiếp tục theo dõi công việc triển khai xây dựng mô hình chợ văn minh - văn hóa, mô hình chợ nổi Nhơn Trạch tại 4 địa phương.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công khai, minh bạch giá cả hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu theo công văn số 3099/UBND-KT ngày 24/4/2013 của UBND tỉnh.

- Công bố Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch xăng dầu năm 2012. Tiếp tục bổ sung hoàn chỉnh Đề án lập Bản đồ mạng lưới các điểm phân phối trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Hoàn chỉnh xây dựng Quy hoạch phát triển ngành thương mại, mạng lưới chợ, hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ và triển khai thực hiện.

3. Cải cách hành chính

- Tham mưu ban hành quy trình giải quyết hồ sơ bổ sung quy hoạch mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh. Hoàn chỉnh thủ tục ISO cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh an toàn thực phẩm.

- Xây dựng và triển khai quy định sử dụng và vận hành phần mềm đăng ký cấp phép qua mạng. Hoàn chỉnh nâng cấp và đưa website mới vào hoạt động.

4. Thanh tra

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương tăng cường quản lý hành lang an toàn điện trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp kiểm tra, xử lý vi phạm về sử dụng điện tại các địa phương; kiểm tra việc thực hiện các quy định của nhà nước về sử dụng điện tiết kiệm tại các doanh nghiệp sản xuất, cơ quan hành chính sự nghiệp. Kiểm tra việc cấp định mức điện và giá bán điện của các hộ kinh doanh nhà trọ cho công nhân, học sinh thuê; công tác hỗ trợ giá điện cho hộ nghèo, hộ thu nhập thấp

C. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ TỈNH

1. Kiến nghị Bộ Công Thương

Thực hiện Thông báo số 164/TB-BCT ngày 18/4/2013 về ý kiến kết luận của Bộ trưởng Bộ Công Thương tại buổi làm việc với tỉnh Đồng Nai (ngày 02/4/2013). Một số kiến nghị của tỉnh Đồng Nai (*về công nghiệp hỗ trợ, về nguồn vốn đầu tư điện nông thôn; về quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công, về kinh doanh, phân phối xăng dầu, gas; về cấp phép khai báo hóa chất, về xúc tiến thương mại*) đã được đoàn làm việc của Bộ Công Thương ghi nhận và giao cho các Vụ, Cục thuộc Bộ phối hợp các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, tham mưu đề xuất Bộ Công Thương xem xét và xử lý. Do đó, trong thời gian tới đề nghị Bộ Công Thương tiếp tục quan tâm hơn nữa và sớm xem xét, giải quyết các kiến nghị của tỉnh Đồng Nai về lĩnh vực công thương.

2. Kiến nghị UBND tỉnh

Thực hiện văn bản chỉ đạo số 3834/UBND-TH ngày 20/5/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định thời gian gửi báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm. Sở Công Thương đã có văn bản triển khai số 979/SCT-KHTC ngày 29/5/2013 đến các phòng kinh tế/KTHT các huyện, TX. Long Khánh và TP. Biên Hòa. Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình thực tế thì việc gửi báo cáo về UBND tỉnh

trước ngày 15 hàng tháng là rất khó thực hiện được vì việc thu thập, cập nhật thông tin số liệu thống kê phải đến ngày 16-17 hàng tháng mới xong (phải thống nhất với cơ quan thống kê). Do đó, kiến nghị UBND tỉnh xem xét, qui định lại thời gian báo cáo định kỳ vào ngày 18 hàng tháng để các sở, ngành có thời gian thu thập, thống nhất thông tin, số liệu trước khi báo cáo UBND tỉnh.

Trên đây là báo cáo kết quả 2 năm rưỡi (2011-2012 và 6 tháng đầu năm 2013) thực hiện Nghị quyết IX Ban chấp hành Đảng Bộ tỉnh của Sở Công Thương Đồng Nai.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Lưu: VT, KHTC.

Tuan\Data2013\KQ2namrui_011_6^h013.doc

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(đã ký)

Nguyễn Văn Quan